

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2026/HNGĐ-ST**.

Ngày: 05/3/2026.

“V/v: Ly hôn giữa ông Thảo và bà Hồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi.

2. Bà Hoàng Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 14 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 14 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Duy - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 05/3/2026, tại trụ sở TAND khu vực 14 - Gia Lai, TAND khu vực 14 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 về tranh chấp: **“Kiện xin ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Ngọc T**, sinh năm 1971;

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai**.

Ông **T** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **H** lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đặng Ngọc T** và bà **Lê Thị Hồng Q** thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại **UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai** vào ngày 04/02/1994.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông **T** trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau dẫn

đến không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

2. Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên **Đặng Lê Hữu P**, sinh ngày 24/3/2000. Do cháu P đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà H sẽ tự giải quyết với nhau nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T và bà H không có nợ chung nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lê Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, bà H luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 12/02/2025, mặc dù Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng bà H đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bà lại tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên **Đặng Ngọc T** và **Lê Thị H** (bản sao), 01 Căn cước công dân mang tên **Đặng Ngọc T** (bản photo) và 01 Giấy khai sinh mang tên **Đặng Lê Hữu P** (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông T và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại **UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai** vào ngày 04/02/1994; ông bà có 01 con chung tên **Đặng Lê Hữu P**, sinh ngày 24/3/2000. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do ông T giao nộp là Trích lục kết hôn mang tên **Đặng Ngọc T** và **Lê Thị H** (bản sao), Giấy khai sinh mang tên **Đặng Lê Hữu P** (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND khu vực 14 - Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; các Điều 28, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56 và 57 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông **Đặng Ngọc T** được ly hôn với bà **Lê Thị H**.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn ông **Đặng Ngọc T** phải chịu theo quy định.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST): Nguyên đơn ông **Đặng Ngọc T** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Ông **Đặng Ngọc T** có đơn khởi kiện đề nghị TAND khu vực 14 – Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa ông và bà **Lê Thị H**. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14 – Gia Lai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông **T** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà **H** lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông **Đặng Ngọc T** và bà **Lê Thị H** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại **UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai** vào ngày 04/02/1994 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông **T** trình bày là do ông bà không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc; vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau dẫn đến không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **H**. Về phía bị đơn bà **H**, bà đã không hợp tác làm việc, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc hoà giải cho ông bà đoàn tụ gia đình không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông **T** và bà **H** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T**, xử cho ông **T** được ly hôn với bà **H**.

[3] **Về con chung:** Ông **Đặng Ngọc T** và bà **Lê Thị H** có 01 con chung tên **Đặng Lê Hữu P**, sinh ngày 24/3/2000. Do anh **P** đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] **Về tài sản chung:** Ông **Đặng Ngọc T** và bà **Lê Thị H** có tài sản chung nhưng ông bà sẽ tự giải quyết với nhau nên ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về nợ chung:** Ông **Đặng Ngọc T** và bà **Lê Thị H** không có nợ chung nên ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.750.000 đồng: Nguyên đơn ông **Đặng Ngọc T** phải chịu theo quy định, số tiền này ông **T** đã nộp đủ.

[7] Về án phí LHST: Ông **T** phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;
- Căn cứ các Điều 28, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56 và 57 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đặng Ngọc T**, xử cho ông **T** được ly hôn với bị đơn bà **Lê Thị H**.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.750.000 đồng: Ông **Đặng Ngọc T** phải chịu theo quy định và ông đã nộp đủ số tiền này.

2. Về án phí: Ông **Đặng Ngọc T** phải chịu án phí LHST là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003691 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, ông **T** đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 14–Gia Lai;
- THADS tỉnh G**;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

THẨM

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên